

BÁO CÁO

Kết quả triển khai Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 28/03/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Nhằm đánh giá lại quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Công tác tuyên truyền đổi mới tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội (Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn, Hội Cựu chiến binh...) đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo, diễn đàn nhằm quán triệt, nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức, hội viên và Nhân dân về các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững theo hướng sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng biến đổi khí hậu; Truyền thông vai trò của nông dân trong việc đổi mới, sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) vào sản xuất; Tuyên truyền phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, đoàn thể, lực lượng cán bộ, công chức, viên chức của ngành Nông nghiệp cấp địa phương, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”... Đồng thời, với mục tiêu thúc đẩy thực hiện khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng của nông dân từ nội lực của chính mình và cộng đồng, các Sở, ngành chuyên môn của tỉnh đã phối hợp tuyên truyền, khuyến khích thu hút nông dân tham gia các loại hình kinh tế tập thể (KTĐT), nhất là mô hình hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN), từ đó hình thành các chuỗi liên kết sản xuất quy mô lớn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã tích cực thực hiện lồng ghép với các hoạt động tại địa bàn để thông tin, tuyên truyền, vận động người dân linh hoạt chuyển đổi các vùng đất lúa khó canh tác, năng suất thấp, không hiệu quả sang trồng rau màu, cây ăn trái có giá trị kinh tế cao hơn theo quy định; Đồng thời, giới thiệu những mô hình điển hình, các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, giải pháp nâng cao chất lượng nông sản, tăng giá trị sản phẩm nông sản, các biện pháp canh tác thích nghi, kỹ thuật thân thiện với môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến người dân, đưa tin bài trên hệ thống phát thanh, trang thông tin điện tử địa phương về hiệu quả các ngành hàng chủ lực, tiềm năng, nhất là sản phẩm OCOP của địa phương, các cách làm hay, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, qua đó kịp thời tuyên dương tập thể và cá nhân tiêu biểu có đóng góp xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Ngoài ra, chuyên mục trang web “*Xây dựng Nông thôn mới*” và mục “*Nông nghiệp, Nông thôn*” tại trang chủ Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh cũng thường xuyên được cập nhật và đăng tải nội dung về các chủ trương, chính sách, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới từ Trung ương đến tỉnh để thông tin, truyền tải nội dung liên quan đến Chương trình tam nông; Phản ánh kịp thời các hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình Tam nông từ tỉnh đến cơ sở... Trong năm 2024, Cổng TTĐT tỉnh An Giang đã thực hiện truyền thông 106 tin, bài và 423 ảnh về nội dung Nông thôn mới tại chuyên trang Nông thôn mới và chuyên mục Nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó, Ban Biên tập trang TTĐT Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã đăng nhiều tin, bài, ảnh của cộng tác viên để thông tin, truyền tải các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Chương trình tam nông, mùa vụ canh tác của các loại cây trồng, thông tin thị trường nông sản...

2. Công tác ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh.

*** *Bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2030 và trong kế hoạch 5 năm cho ngành nông nghiệp, nông thôn:***

UBND tỉnh đã phân bổ kế hoạch (KH) vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm 64 dự án với tổng số vốn là 2.740.670 triệu đồng¹. Cụ thể:

- Theo Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND tỉnh, đã phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh là 1.107.713 triệu đồng, bao gồm 13 dự án chuyển tiếp với số vốn là 637.048 triệu đồng, 18 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 là 470.665 triệu đồng.

¹ Bao gồm: nguồn ngân sách Tỉnh là 1.107.713 triệu đồng, nguồn ngân sách Trung ương là 526.068 triệu đồng, nguồn dự phòng ngân sách Trung ương là 732.218 triệu đồng, nguồn khác là 374.671 triệu đồng.

- Theo Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 và Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh, đã phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách Trung ương là 526.068 triệu đồng, bao gồm 04 dự án chuyển tiếp với số vốn là 354.068 triệu đồng, 02 dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 là 172.000 triệu đồng; Đồng thời, bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp sang 2021-2025 với tổng số vốn ODA là 371.344 triệu đồng.

- Ngoài ra, nguồn dự phòng ngân sách Trung ương đã bố trí cho các dự án phòng chống sạt lở trong giai đoạn 2021-2025 cho 10 dự án với tổng số vốn là 732.218 triệu đồng. Lũy kế giải ngân đến hết 30/11/2024 đạt 1.730.974 / 2.740.670 triệu đồng, đạt tỷ lệ 63.16%.

**** Các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), chuyển đổi số:***

Nhằm tạo điều kiện thúc đẩy đưa hoạt động KH&CN phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp và đời sống Nhân dân, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND; Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND, ngày 07/12/2023 Quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

UBND tỉnh đã ban hành Chương trình số 553/CTr-UBND, ngày 09/9/2021 về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; KH số 1033/KH-UBND, ngày 18/10/2024 về Triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU này 22/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; KH số 170/KH-UBND, ngày 29/3/2022 về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030; KH số 1209/KH-UBND, ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang...

**** Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất:***

UBND tỉnh đã ban hành KH số 458/KH-UBND, ngày 05/6/2023 về Thực hiện Chương trình hành động số 16-Ctr/TU ngày 16/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 07/3/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao” trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 677/QĐ-UBND, ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh phê duyệt KH triển khai thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, Luật Đất đai 2024 (Luật số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024) đã sửa đổi về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân theo hướng mở rộng từ 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp lên 15 lần (tại Điều 177),

bổ sung các quy định về tập trung đất nông nghiệp (tại Điều 192), tích tụ đất nông nghiệp (tại Điều 193), góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai (tại Điều 219).

*** *Phát triển hạ tầng giao thông phục vụ phát triển nông nghiệp:*** UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2605/QĐ-UBND, ngày 08/11/2021 về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông đường bộ và đường thủy tỉnh An Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải có KH số 1135/KH-SGTVT ngày 04/6/2024 về Triển khai thực hiện KH số 13197/KH-BGTVT ngày 09/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải về phát triển vận tải theo hướng hiện đại, đồng bộ, giảm chi phí và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*** *Phát huy vai trò của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp:*** Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành KH về Thực hiện KH số 169-KH/TU, ngày 23/4/2024 về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. UBND tỉnh ban hành KH số 1215-KH/UBND, ngày 19/11/2024 về thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg, ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển KTTT trong nông nghiệp đến năm 2030”.

Ngoài ra, Hội Nông dân tỉnh đang xây dựng Đề án “Vai trò Hội Nông dân tỉnh tham gia phát triển kinh tế trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Hỗ trợ nông dân khởi nghiệp và phát động nông dân tham gia Phong trào nông dân khởi nghiệp”; Đề án “Nâng cao nhận thức, kiến thức cho hội viên, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi theo chuỗi giá trị”; Đề án “Cửa hàng sản phẩm OCOP tỉnh An Giang”.

*** *Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới:*** UBND tỉnh đã ban hành KH số 65/KH-UBND, ngày 06/02/2023 về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025.

Ngoài ra, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có KH số 1058/KH-SVHTTDL ngày 06/5/2024 về việc triển khai thực hiện một số nội dung thành phần CTMTQG xây dựng nông thôn mới lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024. Theo đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố rà soát, đề xuất hỗ trợ phát triển mô hình và sản phẩm du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường.

*** *Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực:***

Hiện toàn Tỉnh đã có 165 sản phẩm được đánh giá và phân hạng sản phẩm tham gia Chương trình OCOP và đạt chứng nhận “Sản phẩm OCOP” từ 3 sao trở lên của 115 chủ thể kinh tế (trong đó: 10 Hợp tác xã, 2 Tổ hợp tác, 26 Doanh nghiệp, 77 là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh). Trong 165 sản phẩm được đánh giá: có 144 sản phẩm còn thời hạn chứng nhận “Sản phẩm OCOP” từ 3 sao trở lên:

gồm có 02 sản phẩm 5 sao, 03 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 10 sản phẩm 4 sao và 129 sản phẩm 3 sao; của 102 chủ thể kinh tế (bao gồm: 08 Hợp tác xã, 02 Tổ hợp tác, 23 Doanh nghiệp, 69 là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh). Và còn lại 21 sản phẩm hết thời hạn công nhận 36 tháng và đang thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ sản phẩm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP lại theo quy định mới của Trung ương.

Ngoài ra, An Giang triển khai mô hình thí điểm “*Phát triển sản phẩm OCOP về Dịch vụ du lịch cộng đồng tại 03 xã Cù Lao Giêng thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*” tại các xã Bình Phước Xuân, Tấn Mỹ và Mỹ Hiệp thuộc huyện Chợ Mới (Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt danh mục tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023). Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và nguồn đối ứng từ địa phương, doanh nghiệp. Hiện Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh đang phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Chợ Mới và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung trình UBND tỉnh phê duyệt KH/Đề án để triển khai thực hiện cho giai đoạn 2023 - 2025 theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

*** Đối với từng lĩnh vực sản xuất chiến lược:**

Triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh An Giang (ban hành tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh), Sở Nông nghiệp và PTNT đang xây dựng, triển khai 11 KH chuỗi giá trị ngành hàng (tập trung cho các sản phẩm chủ lực và tiềm năng tỉnh An Giang) và 01 Dự án xã hội hóa giống lúa trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành 04 KH chuỗi giá trị, bao gồm: **(1)** Phát triển vùng sản xuất chuyên canh và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm rau màu, rau màu công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh); **(2)** KH Phát triển vùng sản xuất chuyên canh và Xúc tiến tiêu thụ sản phẩm cây ăn trái tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh); **(3)** KH Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ ngành hàng cá tra giai đoạn năm 2022-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (KH số 576/KH-UBND ngày 10/06/2024 của UBND tỉnh); **(4)** KH Phát triển Ngành hàng dược liệu tỉnh An Giang theo chuỗi giá trị giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030 (KH số 855/KH-UBND ngày 10/09/2024 của UBND tỉnh).

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp cùng các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh xem xét 06 Dự thảo KH chuỗi ngành hàng và 01 Dự thảo Đề án xã hội hóa giống lúa trên địa bàn tỉnh; qua đó, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo làm rõ thêm. Cụ thể: **(1)** KH Phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; **(2)** KH Phát triển sản xuất và liên kết tiêu thụ nếp, huyện Phú Tân giai đoạn 2024-2025; **(3)** KH Phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nấm ăn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025; **(4)** KH Chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm bò thịt, phát triển mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản cung cấp con giống trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024-2025; **(5)** KH Phát triển hệ sinh thái chăn nuôi heo gắn với

chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024-2025, tầm nhìn đến năm 2030; **(6)** KH Phát triển hệ sinh thái chăn nuôi bò sữa gắn với chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024-2030; **(7)** Dự án xã hội hóa giống lúa trên địa bàn tỉnh.

Hiện tại, Sở Nông nghiệp và PTNT đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để hoàn chỉnh và trình lại dự thảo theo chỉ đạo. Ngoài ra, có 01 KH đang xây dựng dự thảo (KH Phát triển ngành hoa, cây cảnh tỉnh An Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030). Các đơn vị trực thuộc Sở đang chủ động, khẩn trương thực hiện công tác xây dựng, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt, và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững.

*** Về công tác giống:**

- **Đối với giống thủy sản:** Đến nay, đã hình thành được 03 chuỗi liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp với thành phần gồm: Viện Nghiên cứu NTTS II (cấp 1), Trung tâm Giống thủy sản và các cơ sở vệ tinh sản xuất cá tra bột (cấp 2) và Các chi hội ương giống cá tra (cấp 3). Hàng năm sản xuất và cung cấp khoảng 4,5 - 5 tỷ cá tra bột và khoảng 800 - 1.000 triệu cá tra giống/năm. Hiện có 03 doanh nghiệp đầu tư các vùng ương nuôi tập trung theo hướng công nghệ cao tham gia Đề án cá tra 3 cấp với diện tích 302,3 ha. Trong đó: Tập đoàn Việt Úc (104 ha); Công ty TNHH MTV Nam Việt Bình Phú (150 ha); Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (48,3 ha) với năng lực cung cấp khoảng 600 triệu con giống chất lượng cao.

- **Đối với giống lúa:** Hàng năm toàn tỉnh có từ 80 - 90 tổ nhân giống, 5.800 - 6.000 nông dân tham gia sản xuất giống với diện tích 22.780 - 24.000 ha. Ngành nông nghiệp đang phối hợp với các Sở ngành và địa phương có liên quan để xây dựng dự thảo dự án “Xã hội hóa giống lúa trên địa bàn tỉnh”: Mục tiêu Dự án giúp củng cố công tác xã hội giống lúa tỉnh An Giang; Cung ứng nguồn lúa giống (đảm bảo chất lượng, quy chuẩn) phục vụ sản xuất lúa nói chung và đảm bảo thực hiện diện tích đăng ký tham gia Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” tại An Giang.

Về Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao KH&CN phát triển giống lúa: Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Viện Nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao ĐBSCL triển khai thực hiện Đề tài KH&CN cấp tỉnh “Xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang”. Trên cơ sở kết quả khảo nghiệm, Đề tài đã chọn được 02 giống lúa HATRI 10, HATRI 722 phù hợp với điều kiện canh tác tại tỉnh An Giang và đang triển khai xây dựng hoàn chỉnh mô hình vùng nguyên liệu sản xuất lúa 100 ha tại huyện HTX Bình Đức. Ngoài ra, trong năm 2024 Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức chủ trì, xét duyệt đề cương 02 Đề tài KH&CN cấp tỉnh “Tuyển chọn giống lúa thơm, chất lượng cao phù hợp với điều kiện canh tác tỉnh An Giang” và “Ứng dụng công nghệ cao để nghiên cứu, phát triển sản xuất

giống lúa nếp cho Phú Tân phục vụ nội tiêu và xuất khẩu”. Dự kiến 02 Đề tài khi hoàn thành sẽ giúp chọn tạo được ít nhất 01 giống lúa và 01 giống nếp mới đáp ứng tiêu chuẩn đưa vào Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang. Hiện tại 02 đề tài đang hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị thẩm định kinh phí trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

*** Cơ sở hạ tầng:**

- Về triển khai thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021- 2025:

UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh (nguồn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025) hỗ trợ cho 04 HTX tham gia Đề án 167 của Thủ tướng Chính phủ với tổng vốn đầu tư là 8.323 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách tỉnh 7.997 triệu đồng, vốn đối ứng của HTX 326 triệu đồng). Kết quả, đến nay đã bố trí vốn và giải ngân cho Dự án nâng cấp, cải tạo các trạm bơm HTXNN Chợ Vàm, huyện Phú Tân với số tiền là 1.733 triệu đồng; Dự án hỗ trợ phát triển HTX sản xuất và tiêu thụ đường thốt nốt Nhơn Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên 440 triệu đồng; Còn lại các công trình triển khai còn chậm là HTX Tây Phú vương thủ tục đấu thầu mua sắm, HTX Vĩnh Bình vương quy hoạch xây dựng, HTX Sản xuất và tiêu thụ đường thốt nốt Nhơn Hưng giải ngân chậm so vương đấu thầu thi công công trình.

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 1965/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025. Để triển khai thực hiện Đề án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh ban hành KH Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 với các nội dung hỗ trợ sau: (1) Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào sản xuất, cải tiến chất lượng và mẫu mã sản phẩm; (2) Hỗ trợ về tư vấn các lĩnh vực mà doanh nghiệp quan tâm; (3) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp đủ khả năng quản trị kinh doanh trong bối cảnh mới; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đây là nội dung rất được quan tâm và cần đẩy mạnh trong thời gian tới; (5) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhằm giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu hơn, rộng hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng:

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 512/QĐ-SNNPTNT ngày 03/7/2024 về Điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp nông nghiệp năm 2024 để thực hiện nạo vét kênh tại các khu rừng tràm trong tỉnh, phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Hiện Chi cục Kiểm lâm đang triển khai công tác trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nhiệm vụ khảo sát địa hình và Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình “Nạo vét kênh rừng tràm Bình Minh, xã Tà Đanh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” theo quy định để làm căn cứ triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Bên cạnh đó, thực hiện KH số 229/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh về Trồng cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2021 - 2025, theo đó, năm 2024 Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh với số lượng 417.807 cây giống lâm nghiệp các loại, qua đó góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

*** Cơ giới hóa:**

Cơ giới hóa trên địa bàn tỉnh chủ yếu ở cây lúa. Các khâu trong sản xuất lúa từ chuẩn bị giống, làm đất, gieo sạ, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, vận chuyển đã áp dụng máy, thiết bị, sản phẩm công nghệ (drone bay phun xịt, máy cấy, máy sạ giống,...). Nông dân trong tỉnh cũng đã đầu tư máy cuốn rơm các loại, góp phần giảm thiểu môi trường nhờ tận dụng nguồn phụ phẩm rơm rạ phục trồng nấm, rau màu và chăn nuôi.

Trên rau màu, các khâu làm đất được nông dân đầu tư máy cày, máy xới, máy đào, vun luống, máy bơm tưới chủ động. Trên cây ăn trái, nông dân đã quan tâm và ứng dụng nhiều vào khâu chăm sóc: đầu tư hệ thống tưới, máy bay phun xịt, máy cắt cỏ. Lĩnh vực chăn nuôi, đầu tư chủ yếu máy băm cây thức ăn, máy bơm nước rửa chuồng, máy phun khử trùng, hệ thống xử lý biogas, hệ thống thông gió, làm mát, hệ thống ăn uống tự động... Ngoài ra, người chăn nuôi còn sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý nền chuồng, giảm nguy cơ dịch bệnh trên đàn.

Đối tượng nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh là cá Tra tập trung ở hình thức nuôi ao là chủ yếu. Hiện các cơ sở nuôi cũng quan tâm và trang bị cơ bản đảm bảo phục vụ trong hoạt động sản xuất theo quy mô nuôi bao gồm: bơm nước, bơm điện, máy cung cấp oxy, máy tạo dòng, máy cho ăn tự động, máy và thiết bị quan trắc môi trường để cảnh báo dịch bệnh... Tuy nhiên, cơ giới hóa ở các khâu trong nuôi cá tra có mức độ đồng bộ thấp, nguyên nhân do diện tích nuôi nhỏ lẻ, đầu tư máy móc kỹ thuật sẽ gây lãng phí, không hiệu quả so với làm thủ công.

Bên cạnh đó, triển khai Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, các giải pháp chuyển đổi số, KH&CN trong nông nghiệp đã được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp như: Nông dân dần làm quen, tiếp cận tra cứu thông tin tư vấn về canh tác, giá cả thị trường trên Internet; Các nền tảng, giải pháp hỗ trợ chẩn đoán sâu, bệnh trên cây trồng, vật nuôi cũng từng bước được người dân tiếp cận; Mô hình sản xuất lúa không dấu chân (sử dụng máy bay không người lái sạ lúa và phun thuốc bảo vệ thực vật); Điều khiển trang trại gia súc, gia cầm tự động trên điện thoại thông minh; Giám sát, xử lý ao nuôi cá tra bằng cảm biến; Nhà chim yến được quản lý bằng camera, phun sương làm mát điều khiển từ xa; Mô hình trồng nhãn áp dụng khoa học kỹ thuật tưới tiêu bằng điện thoại thông minh... Qua đó, đã tạo sự chuyển biến rõ nét từ khâu sản xuất, chế biến, phân phối, đến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

5. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến:

*** Về phát triển HTX:** Tính đến nay, toàn tỉnh hiện có 229 HTX, trong đó, có 179 HTX đang hoạt động với khoảng 10.900 thành viên; có 02 Liên hiệp HTX và 1.193 THT hoạt động trong nông nghiệp.

- *Liên kết lĩnh vực trồng trọt:* Năm 2024, có 26 doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, nếp với 25 HTX, 02 LH HTX và các hộ nông dân, với diện tích 73.997 ha. Có 11 doanh nghiệp, 01 nông trại và 04 hộ thu mua thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ rau màu với nông dân với diện tích là 1.321,4 ha. Diện tích liên kết kết sản xuất cây ăn trái các loại (chuối, nhãn, sầu riêng, na, cây có múi) thông qua các doanh nghiệp, thương lái, chợ đầu mối là 5.280 ha.

- *Liên kết lĩnh vực chăn nuôi:* Hiện nay có 08 xã thuộc 05 huyện, thị xã, thành phố gồm: Tịnh Biên, Thoại Sơn, Châu Phú, Tri Tôn và Châu Đốc tham gia nuôi gia công heo thịt, gà thịt và vịt thịt cho Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam với tổng số lượng là 425.100 con. Trong đó: Heo thịt: 10.100 con/03 trại; Gà thịt: 295.000 con/06 trại; Vịt thịt: 120.000 con/03 trại. Từ đầu năm 2024 đến nay, đã xuất chuồng 800.100 con, trong đó: 10.100 con heo thịt, 550.000 con gà thịt, 240.000 con vịt thịt.

- *Liên kết lĩnh vực thủy sản:* Có 43 doanh nghiệp thủy sản liên kết tiêu thụ cá Tra với 99 hộ nông dân (cơ sở nuôi liên kết) và 09 chuỗi liên kết cá Tra, với tổng diện tích thực hiện liên kết tiêu thụ cá Tra là 1.072 ha, chiếm 87,6% diện tích nuôi toàn tỉnh. Có 01 HTX nuôiẾch, 04 THT (01Ếch, 03 Lươn), 01 Chi hội nuôi cá Lóc và nông dân liên kết tiêu thụ lâu dài với thương lái địa phương với diện tích là: Lươn 22,23 ha;Ếch 2,83 ha; cá Lóc 3,42 ha.

*** Triển khai Mô hình phát triển sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là mô hình):**

Giai đoạn 2023 - 2024, đã có 395 mô hình được triển khai thực hiện. Trong đó: Có 103 mô hình được triển khai với mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình (31 mô hình cấp tỉnh, 72 mô hình cấp huyện) và 292 mô hình qui mô nhỏ hơn (cấp xã) được thực hiện với mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình. Kinh phí hỗ trợ thực hiện mô hình từ nguồn ngân sách nhà nước, chủ đầu tư thực hiện mô hình là nông dân, HTX, các doanh nghiệp nông nghiệp... tham gia đối ứng từ 50% tổng kinh phí thực hiện mô hình.

Riêng đối với các mô hình cấp tỉnh giai đoạn 2023-2024:

- Có 09 mô hình ứng dụng công nghệ tự động và quản lý vận hành (ứng dụng các công nghệ tự động dựa vào công nghệ số trên lĩnh vực trồng trọt như: điều khiển từ xa bằng smartphone, thiết bị internet hoặc tự động điều khiển có lập trình... Một số ít ứng dụng trên lĩnh vực thủy sản như: sử dụng máng ăn tự động, hệ thống tuần hoàn);

- Có 10 mô hình tăng cường nhân rộng diện tích ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm (Chủ yếu là ứng dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt, tưới tiết kiệm nước và sức lao động trong lĩnh vực trồng trọt: cây ăn trái, rau màu, trồng nấm rơm, hoa, cây giống...);

- Có 07 mô hình phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ phụ phẩm nông nghiệp (02 mô hình sử dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp trực tiếp để sản xuất nấm ăn, các mô hình khác tận dụng gián tiếp nguồn phế phẩm nông nghiệp khác như: rơm rạ, lá, thân rễ, phế phẩm các loại để sản xuất phân bón cho cây trồng).

*** *Triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ:***

Đến nay có 06 dự thảo KH liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa do HTX xây dựng đang đề nghị tỉnh hỗ trợ. Các KH này hiện đang trong quá trình hoàn chỉnh để đáp ứng theo quy định của Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó HTX NN Lộc Phát 1 (xã Núi Tô, huyện Tri Tôn) đã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ KH liên kết và Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức 02 cuộc họp Hội đồng thẩm định KH liên kết trên, hiện HTX NN Lộc Phát 1 đang hoàn chỉnh dự thảo KH trên cơ sở góp ý của Hội đồng.

*** *Triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:***

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 về Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang năm 2024 và KH tổ chức đoàn công tác xúc tiến mời gọi đầu tư tỉnh An Giang năm 2024 để mời gọi thực hiện đầu tư vào 06 lĩnh vực ưu tiên là: (1) Hạ tầng giao thông; (2) Cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu nhà ở; (3) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (4) Công nghiệp, hạ tầng Khu, Cụm Công nghiệp; (5) Thương mại, dịch vụ, du lịch; (6) Văn hóa, xã hội và môi trường.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành KH số 1116/KH-UBND ngày 04/11/2024 về Tổ chức Hội nghị Giới thiệu tiềm năng đầu tư và quảng bá sản phẩm đặc trưng tỉnh An Giang ngày 26/11/2024 tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm giới thiệu những tiềm năng và cơ hội đầu tư mới đến các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030, trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Qua đó, tạo cơ hội gặp gỡ, giao lưu trực tiếp giữa các nhà đầu tư, các tổ chức quốc tế, hỗ trợ hợp tác, giao lưu kết nối giao thương các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thúc đẩy đầu tư vào các dự án trọng điểm của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

*** *Công tác giáo dục nghề nghiệp:***

Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp 21.222 người, đạt tỷ lệ 106,11% kế hoạch năm (gồm: cao đẳng 1.437 sinh viên, trung cấp 3.166 học sinh, sơ cấp 9.806 học viên, dưới 3 tháng 6.813 học viên). Trong đó: thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc 03 CTMTQG tổ chức 103 lớp với 3.076 học viên, kinh phí hơn 3.141 triệu đồng; Thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 316 học viên với số tiền khoảng 1.248

triệu đồng; Thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ là 899 học viên với nhu cầu kinh phí 23.584 triệu đồng. Tổng số học sinh sinh viên, học viên tốt nghiệp là 16.338 người; số học sinh sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có việc làm khoảng 13.805 người (tỷ lệ 84,63%). Góp phần nâng cao tỷ lệ qua đào tạo 72%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ 30,9%.

*** Về lao động, việc làm:** Thông qua công tác đào tạo nghề; tổ chức ngày Hội việc làm, các cụm (điểm) tư vấn, giới thiệu việc làm; Chương trình tín dụng chính sách xã hội và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững... đã giải quyết việc làm mới cho 35.920 lao động. Trong đó đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 752 lao động.

*** Đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:** Giai đoạn 2023-2024, tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề là 5.906 người (trong đó: thành viên THT, HTX là 15 người; đào tạo cho đối tượng được doanh nghiệp liên kết bao tiêu sản phẩm là 30 người; đào tạo cho đối tượng nằm trong vùng tái cơ cấu ngành nông nghiệp là 5.871 người). Số lượng lao động nông thôn sau học nghề đã tự tạo việc làm tại địa phương hoặc áp dụng kiến thức đã học vào sản xuất là 5.198 người, chiếm tỷ lệ 88% lao động qua đào tạo. Người học nghề đã áp dụng kiến thức mới về lĩnh vực được đào tạo vào thực tiễn để giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ, có cơ hội được nhận vào làm việc tại các trang trại, doanh nghiệp tại địa phương. Qua đó, nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần ổn định cuộc sống nhất là các đối tượng có thu nhập thấp và từng bước vươn lên thoát nghèo.

*** Thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn:**

Hàng năm Hội Nông dân tỉnh tổ chức phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, THT liên kết bền vững với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Phong trào đã khuyến khích nhiều hộ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất địa phương và nhu cầu thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao. Qua 02 năm (2023-2024) phát động, có 161.184 hộ nông dân đăng ký phong trào, có 2.140 hộ doanh nhân nông thôn (là những hộ có tổng doanh trên 01 tỷ đồng), 444 mô hình tiêu biểu và 511 sản phẩm lợi thế của các địa phương trong tỉnh.

Các cấp Hội Nông dân phối hợp với các ngành chức năng tổ chức 219 lớp dạy nghề nông thôn, 1.613 cuộc hội thảo chuyên giao kỹ thuật, ứng dụng KH&CN mới cho hơn 58.993 lượt hội viên, nông dân. Thông qua đó đã xây dựng 98 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đưa 2.501 sản phẩm lên sàn giao dịch thương mại điện tử Posmart.vn và Buudien.vn để quảng bá, giới thiệu sản phẩm; hỗ trợ 36.841 hội viên nông dân kích hoạt Nền tảng số Nông dân Việt Nam; tổ chức 07 lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kỹ năng bán hàng thông qua sàn thương mại điện tử và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, có 1.080 hội viên nông dân, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, HTX, THT và các chi tổ hội nghề nghiệp tham dự. Ngoài ra, Hội Nông dân các cấp còn tích cực tham gia vận động hội viên, nông dân và các chủ thể đăng ký sản phẩm OCOP.

Triển khai KH số 1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, công dân số, đảm bảo cơ bản về an toàn thông tin, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức với 18/35 lớp, tổng số 733 học viên.

Triển khai nhiệm vụ Tổ Công nghệ số cộng đồng, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tập huấn cho 7.991 thành viên của 1035 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, khóm, ấp. Trên cơ sở đó, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã ra quân thực hiện chiến dịch “*Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng số để phát triển kinh tế số*”; Phổ cập 5 kỹ năng số cơ bản cho người dân bao gồm: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, (2) Mua sắm trực tuyến, (3) Thanh toán trực tuyến, (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng, (5) Sử dụng nền tảng số.

*** *Nâng cao hiệu quả hoạt động Tổ Khuyến nông cộng đồng (KNCD):***

Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 129 tổ KNCD được thành lập. Các tổ KNCD đã góp phần cùng các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ về công tác khuyến nông như: Tổ chức 436 hội thảo khuyến nông trên địa bàn các xã về chăm sóc lúa và quản lý dịch hại; đánh giá các mô hình khuyến nông về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; tổ chức 234 lớp tập huấn cho hơn 3.200 nông dân và thành viên của HTX tham dự nội dung quản lý dịch hại tổng hợp IPM; sử dụng phần mềm Rice Hero trên thiết bị di động để đo lường phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa; tổ chức lớp học kinh doanh cho nông dân (FBS); tổ chức lớp học sản xuất lúa theo mô hình SRP và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH); phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn các HTX, THT liên kết với doanh nghiệp (Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời, Công ty Quốc tế gia, Công ty Đại Dương Xanh, Công ty cổ phần giống cây trồng Cửu Long, Công ty Foodant...); phối hợp Chi cục Trồng trọt và BVTV phát hành các bản tin nông vụ, bản tin thời tiết (10 ngày/bản tin) đến các xã trên địa bàn tỉnh...

7. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống.

*** *Nâng cao hiệu quả thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu thôn ấp, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí:***

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 về KH thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024; Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 về KH kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024; KH số 328/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 về Truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Đến nay, toàn Tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới, bao gồm: thành phố Châu Đốc (năm 2017),

thành phố Long Xuyên (năm 2018) và huyện Thoại Sơn (năm 2018). Trong đó, huyện Thoại Sơn đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023. Huyện Châu Thành và thị xã Tân Châu đang thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận huyện nông thôn mới năm 2024 trình UBND tỉnh thẩm tra. Có 76/110 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 69,09%; Có 34 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 44,74%; Có 02 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Có 14 ấp tại các xã biên giới, xã khó khăn trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới.

**** Hoàn chỉnh hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:***

Tỉnh tiếp tục thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo đầy đủ hệ thống vận hành và đồng bộ với hệ thống các công trình trong tiểu vùng. Chuyển đổi các trạm bơm dầu sang trạm bơm điện để nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua thực hiện Đề án phát triển trạm bơm điện do Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi An Giang quản lý. Thực hiện các dự án tăng cường tích trữ nước ở vùng đồng bằng và vùng cao như: Đầu tư các công trình hồ trữ lũ vùng đồng bằng và vận hành hệ thống thủy lợi vùng cao Bảy Núi tại Tri Tôn và Tịnh Biên; Thực hiện dự án xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với BĐKH nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi (trong năm 2024 hoàn thành 03/03 hồ: Đắc Lay, Tà Lọt, Cô Tô).

Đến nay, toàn Tỉnh hiện có hơn 11.052 công trình thủy lợi. Trong đó: Kênh các loại: 3.075 công trình, tổng chiều dài 7.131,3 km (chiều dài kiên cố 67 km). Bờ bao có 2.662 công trình, chiều dài 5.808 km. Công trình cống: 3.060 cống. Trạm bơm điện các loại có hơn 2.236 trạm bơm, tổng lưu lượng 5.536.757 m³. Hồ chứa nước có 19 hồ, với tổng dung tích 10,07 triệu m³.

**** Đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông:***

Thực hiện Quyết định số 1697/ĐA-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Đề án xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025. Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được 224 cầu (theo Đề án giai đoạn 2021-2024 là 140 cầu, vượt 84 cầu, đạt tỷ lệ 160% KH đề ra). Cụ thể: Đã huy động được nguồn lực với tổng vốn đầu tư là 243 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách là 47,3 tỷ đồng, vốn huy động từ các nguồn lực trong xã hội là 195,7 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 80,5%), nhân dân đóng góp 23.917 ngày công, dân hiến đất 300 m². Trong đó, 177 cầu vốn xã hội hóa 100%, với tổng kinh phí 136,7 tỷ đồng ; 47 cầu vốn ngân sách kết hợp xã hội hóa với tổng kinh phí 106,3 tỷ đồng.

Tỉnh đang triển khai đồng loạt các dự án trọng điểm quốc gia nhằm tạo ra một hệ thống giao thông đồng bộ và liên hoàn, liên kết các vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực sản xuất tập trung, các trung tâm hành chính và các cụm dân cư. Phần đầu đến năm 2027, hoàn thành đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1). Bên cạnh đó, An Giang đã tổ chức lễ thông xe cầu Châu Đốc thuộc dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp. Đồng thời, tỉnh phối hợp tổ chức

lễ khánh thành dự án Tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên. Đây là những công trình giao thông có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần thông tuyến quốc lộ N1, kết nối theo trục ngang của các tỉnh Tây Nam bộ nằm trên trục hành lang biên giới các tỉnh: Long An - Đồng Tháp - An Giang - Kiên Giang và trục dọc Cần Thơ - An Giang.

*** *Triển khai Chương trình Phát triển du lịch nông thôn:***

UBND tỉnh đã ban hành KH số 65/KH-UBND tỉnh ngày 06/02/2023 về Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025. Hiện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tổ chức lồng ghép tuyên truyền CTMTQG xây dựng nông thôn mới tại các hội nghị phổ biến pháp luật lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Tổ chức các hoạt động mời gọi đầu tư xây dựng dự án, mô hình phát triển du lịch nông thôn trong khuôn khổ Bản thỏa thuận hợp tác về du lịch giữa tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp và Chương trình liên kết hợp tác về du lịch giữa thành phố Hồ Chí Minh với 13 tỉnh ĐBSCL. Hiện An Giang có 03 điểm đến vào Top 50 điểm đến du lịch có lượt bình chọn cao nhất (Khu du lịch quốc gia Núi Sam, Điểm du lịch Cồn Én, Điểm du lịch rừng Tràm Trà Sư)...

8. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn.

*** *Mở rộng các hình thức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:***

Triển khai cho vay nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: dự nợ năm 2024 đạt 76.679 tỷ đồng, tăng 28,37% so với năm 2022 (năm 2022 đạt 59.732 tỷ đồng). Qua đó, đóng góp tích cực vào phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có điều kiện đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh, khôi phục ngành nghề truyền thống, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, áp dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm,...

Ngoài ra, NHNN-AG đã chỉ đạo khuyến khích các tổ chức tín dụng trên địa bàn nghiên cứu, triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, trong đó có linh hoạt áp dụng nhiều hình thức đảm bảo tiền vay, như: Thế chấp, tín chấp, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; Cho vay chuỗi sản xuất theo mô hình liên kết thông qua việc quy định các tổ chức đầu mối (Doanh nghiệp, HTX, Liên hiệp HTX;...). Đây là hình thức cho vay mới của các ngân hàng trên cơ sở kiểm soát được dòng tiền thông qua cam kết của các bên trong chuỗi, đảm bảo an toàn chất lượng tín dụng.

Ngân hàng Chính sách xã hội cũng có nhiều chương trình hỗ trợ vốn cho người dân khó khăn không có đảm bảo tài sản như: Cho vay giải quyết việc làm; Cho vay hỗ trợ xuất khẩu lao động; Cho vay hộ nghèo về nhà ở; Cho vay thương nhân vùng khó khăn; cho vay hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn....

*** *Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học thúc đẩy liên kết công tư, xã hội hóa KH&CN:***

Trong năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các Viện, Trường trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện 49 đề tài KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (19 đề tài cấp tỉnh và 30 đề tài cấp cơ sở), trong đó có 08 đề tài cấp tỉnh và 08 đề tài cấp cơ sở có liên quan cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển các ngành hàng chủ lực của tỉnh.

Triển khai 05 dự án khoa học công nghệ tập trung thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nuôi trồng bền vững. Những dự án này không chỉ nâng cao ứng dụng khoa học công nghệ mà còn góp phần quan trọng cải thiện kinh tế, đời sống người dân và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương.

*** *Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:***

Năm 2024, tỉnh thực hiện đạt mục tiêu, nhiệm vụ trong thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững về các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình và các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Tỷ lệ giải ngân vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 ước đạt 87,15% (giá trị giải ngân ước đạt 319.994 triệu đồng), trong đó vốn đầu tư phát triển đạt trên 95% và vốn sự nghiệp đạt trên 80%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2024 của tỉnh giảm 0,55% (từ 2,07% xuống còn 1,52%), đạt chỉ tiêu KH đề ra (0,5-1%).

*** *Đề án cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021-2025:***

Hiện nay, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đang thực hiện quản lý, vận hành 31 hệ thống cấp nước cấp nước sinh hoạt, phục vụ chủ yếu hộ dân sinh sống khu vực nông thôn. Các hệ thống cấp nước có công suất thiết kế từ 200 - 2.000 m³/ngày.đêm, trong đó trung bình hệ thống có công suất thiết kế từ 400 - 600 m³/ngày.đêm.

Tính đến tháng 09/2024 Trung tâm quản lý, vận hành cấp nước cho khoảng 58.179 hộ nông thôn thuộc 09 huyện, thị, thành trên phạm vi toàn tỉnh. Ước sản lượng tiêu thụ năm 2024 đạt 7,3 triệu m³ tăng khoảng 436 nghìn m³, đạt tỷ lệ tăng 6,4% so với năm 2023. Qua đó, góp phần tăng tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước đạt quy chuẩn trên phạm vi toàn tỉnh là 96,35%.

9. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích ứng biến đổi khí hậu.

*** *Phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên:***

- Triển khai các hoạt động Dự án “Thực hiện các giải pháp dựa vào thiên nhiên nhằm khôi phục các vùng đất ngập nước và các quá trình tự nhiên của ĐBSCL tại Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư”, với mục tiêu tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi của con người và thiên nhiên trước các tác động của biến đổi khí hậu, thông qua bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học đất ngập nước và phát triển các mô hình sinh kế dựa vào thiên nhiên ở vùng thượng nguồn của ĐBSCL. Hiện đã hoàn thành và tổ chức phúc tra nghiệm thu hạng mục công trình Nuôi dưỡng rừng 100 ha và xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 30 ha.

- Triển khai hoạt động trồng cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả năm 2024, toàn Tỉnh đã thực hiện trồng ước đạt 2.764.538 cây. Trong đó: Cây lâm nghiệp trồng phân tán: 417.708 cây; cây xanh đô thị: 24.000 cây; trồng rừng khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên: 710.830 cây; vốn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư: 1.612.000 cây.

- Thực hiện cho thuê dịch vụ môi trường rừng tại Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư với diện tích 159 ha theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND tỉnh. Theo đó, Trạm quản lý rừng liên huyện Tịnh Biên - Châu Đốc và Điểm du lịch sinh thái Trà Sư đã phối hợp quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. Đồng thời, thực hiện nhiều biện pháp tuyên truyền, trang bị phương tiện, dụng cụ, sử dụng lao động là người dân sống quanh rừng để tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Qua đó, điểm du lịch sẽ có môi trường tốt để phát triển du lịch sinh thái, tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương, giảm áp lực trong công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên.

* **Triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường khu vực nông thôn:** Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 287/STNMT-MT ngày 23/01/2024 về Hướng dẫn thực hiện xử lý khu, điểm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý trên địa bàn tỉnh An Giang (trong đó có các khu vực ô nhiễm môi trường thuộc khu vực nông thôn). Theo đó, các địa phương đã xây dựng KH và tổ chức triển khai thực hiện khắc phục ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở, khu, điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

* **Bảo tồn đa dạng sinh học:** Triển khai Chương trình số 404/CTr-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh về Chương trình phối hợp Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2026. Năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thủy sản tổ chức 11 hội nghị tập huấn các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học cho 550 hội viên hội phụ nữ các xã, phường, thị trấn tại địa phương có mức độ đa dạng sinh học cao.

Ngoài ra, đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Người Cao tuổi tỉnh tổ chức 05 hội nghị tập huấn các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học cho giáo viên, hội viên người cao tuổi. Phát động các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện 04 sự kiện truyền thông về môi trường, đa dạng sinh học: (1) Ngày Đất ngập nước thế giới; (2) Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học; (3) Tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới; (4) Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn.

* **Triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu:**

- Triển khai thực hiện Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 về KH thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030 tại An Giang: Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị triển khai KH thực hiện Đề án và đang thực hiện 22 mô hình với diện tích 1.117 ha chiếm 5,42% diện tích KH

của năm (KH 20.609 ha).² Các mô hình điểm này được thực hiện theo quy trình sản xuất 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao gắn với phát thải thấp để làm cơ sở nhân rộng và triển khai KH trong thời gian tới. Bước đầu, với những kết quả khả quan của mô hình điểm đã giúp nông dân thay đổi dần tập quán và tư duy trong việc sản xuất theo hướng bền vững và tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật. Riêng đối với diện tích KH năm 2024 là 20.609 ha được thực hiện trên nền diện tích thực hiện dự án VnSAT - Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững Việt Nam (đã đạt các tiêu chí theo quy trình 3G3T và 1P5G) vẫn được các địa phương duy trì thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và PTNT hiện nay chưa công bố hệ thống kiểm điểm, đo đạc nên tỉnh chưa có cơ sở đánh giá các diện tích này đã đáp ứng được bao nhiêu diện tích đạt theo quy trình canh tác 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao phát thải thấp.

- *Triển khai KH hành động thực hiện cam kết của Việt nam tại COP 26 trên địa bàn tỉnh An Giang:* Tỉnh đã cập nhật vào Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 các nội dung phù hợp với KH nhằm góp phần thực hiện phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam vào năm 2050. Cụ thể, các nội dung giảm phát thải khí nhà kính đã được lồng ghép vào các ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, xây dựng, tài nguyên và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường đang tham mưu UBND tỉnh ban hành KH “Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh An Giang”.

10. Thuận lợi, khó khăn:

*** Thuận lợi:**

- Nông nghiệp được tiếp tục xác định là nền tảng, là bệ đỡ của ngành kinh tế tỉnh nhà nên nhận được sự quan tâm chỉ đạo điều hành kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều ban ngành, địa phương.

- Năm 2024, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh có sự tăng trưởng ổn định về sản lượng và chất lượng; giá bán duy trì ở mức cao so cùng kỳ; xuất khẩu nông sản có nhiều bước tiến mới.

- Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng khó khăn ngày càng được cải thiện. Hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và chất lượng. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được tăng cường; lao động được giải quyết việc làm ổn định hàng năm. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với CTMTQG xây dựng nông thôn mới và nhiều chương trình khác ngày càng đi vào chiều sâu.

- Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp đã được các ngành, các cấp tham mưu và triển khai đồng bộ, kịp thời góp phần nâng

² Trong đó, 18 mô hình được thực hiện bằng nguồn vốn theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ, mỗi mô hình có quy mô 50 ha, với tổng diện tích thực hiện là 900 ha; 04 mô hình thực hiện triệt để theo các tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT với diện tích 52 ha (ở 04 huyện: Tri Tôn, Châu Thành, Thoại Sơn, Phú Tân) và 165 ha các mô hình khác được thực hiện theo một trong các tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

cao hiệu quả kinh tế, giúp người dân, doanh nghiệp ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

*** *Khó khăn:***

- Sản xuất nông nghiệp luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ vẫn chưa hoàn chỉnh; Việc thực hiện các chính sách nông nghiệp vẫn còn khó khăn do quy trình, thủ tục; Kết cấu hạ tầng nông thôn vẫn chưa đồng bộ, chế biến sâu nông sản chưa phát triển, đa phần là quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu; Các dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp còn rất hạn chế, đặc biệt, là khâu bảo quản sau thu hoạch và logistics. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn.

- Năng suất, sản lượng lúa đến nay gần như đã đạt mức chạm trần, điều này sẽ gây thách thức không nhỏ đến mục tiêu tăng trưởng ngành Nông nghiệp trong thời gian tới nếu không có giải pháp chuyển sang phát triển theo chiều sâu, tập trung vào tổ chức sản xuất, xây dựng các vùng nguyên liệu kết nối tiêu thụ và tăng cường sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

- Kinh tế hợp tác, HTX vẫn chưa phát triển như kỳ vọng. Hiện nay, phần lớn hoạt động của các mô hình KTTT còn nhỏ lẻ, mối liên hệ giữa HTX và doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Các công ty, doanh nghiệp chưa tham gia sâu vào quá trình sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân, hợp đồng bao tiêu sản phẩm chưa có sự ràng buộc chặt chẽ về lợi ích các bên, tính pháp lý chưa cao. Bên cạnh đó, nhận thức và sự hiểu biết về lợi ích và tầm quan trọng khi tham gia vào các THT, HTX của hội viên, nông dân còn hạn chế.

- Các kết quả nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp được thương mại hóa chưa nhiều, vẫn còn những kết quả có khả năng ứng dụng vào sản xuất nhưng chưa được phổ biến rộng do thiếu kinh phí để nhân rộng, cũng như vướng mắc về cơ chế thẩm định giá, giao quyền sử dụng kết quả hình thành từ nhiệm vụ KH&CN. Bên cạnh đó, thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu kéo dài từ 12 đến 18 tháng đang là rào cản lớn, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường, đặc biệt với các sản phẩm chủ lực của tỉnh An Giang.

PHẦN II

KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Năm 2025 có ý nghĩa quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của KH Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang. Đây cũng là thời điểm tổ chức sơ kết thực hiện KH phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang; Qua đó, kịp thời rà soát, đánh giá hiệu quả để tiếp tục tham mưu điều chỉnh KH chiến lược phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tế của tỉnh.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2025

*** Về phát triển nông nghiệp:**

- Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ tư duy tăng trưởng theo sản lượng sang tư duy về tăng giá trị, nâng cao hàm lượng chất xám và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp gắn với việc nâng cao giá trị canh tác và thu nhập của nông dân. Thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn, chủ động phòng chống thiên tai - dịch bệnh, đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm và sức khỏe người dân, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, tiến đến mục tiêu nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

*** Về nông thôn:**

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả, trách nhiệm và tăng sức cạnh tranh cao. Thực hiện mục tiêu chuyển đổi từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, tăng thu nhập của người dân. Phát triển trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tự nhiên, huy động sự tham gia đóng góp của các thành phần kinh tế, hướng đến phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế số, các sản phẩm nông sản tham gia rộng rãi trên các sàn thương mại điện tử.

- Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn, tạo việc làm như kinh tế nhà vườn, kinh tế kết hợp, kinh tế phụ...qua đó, nhằm giảm di cư, ổn định xã hội, nâng cao thêm thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người nông dân và dân cư nông thôn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động: Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn với các mục tiêu, định hướng nêu trên. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến cáo người sản xuất, kinh doanh không lạm dụng hóa chất; tăng cường các biện pháp tái tạo nguồn tài nguyên đất, nước, năng lượng; xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn. Xây dựng mô hình trình diễn, hình thành lực lượng tư vấn, cập nhật và xây dựng giáo trình tập huấn kết hợp truyền thông trong ngành nhận thức về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất: Xây dựng chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ. Hỗ trợ nông hộ chuyển sang kinh doanh ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp. Xây dựng và triển khai các chính sách đột phá để phát triển “nông hộ nhỏ quy mô lớn”. Phát

triển hệ sinh thái ngành hàng. Phát huy vai trò của các hiệp hội, doanh nghiệp, các nhóm xã hội cùng kiến tạo không gian phát triển, tư vấn chính sách, nghiên cứu và mở rộng thị trường...

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN và đổi mới sáng tạo: Xây dựng KH đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn. Ưu tiên đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng các cơ chế, chính sách để thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực hợp pháp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ tiên tiến và chuyển đổi số. Thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, phát triển các sản phẩm dịch vụ công nghệ, trung tâm giao dịch, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đổi mới sáng tạo, trung tâm định giá tài sản trí tuệ, cơ sở ươm tạo công nghệ... Tập trung hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia, thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

4. Phát triển thị trường đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản: Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã/tổ hợp tác và hộ nông dân.

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng:

Phát triển thủy lợi đa mục tiêu. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả để tưới tiết kiệm nước. Phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ nghề cá, cơ sở sản xuất giống thủy sản tập trung kết hợp với cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến thủy sản. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển sinh kế rừng, vườn rừng, du lịch sinh thái và bảo tồn phát triển rừng. Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Phát triển các khu/cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh, vùng sản xuất trung tâm. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước: Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Triển khai Chương trình đào tạo nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nông nghiệp. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh HTX để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã/tổ hợp tác. Nâng cấp, đào tạo, tập huấn, xây dựng cơ chế hỗ trợ để phát huy vai trò của Tổ phản ứng nhanh trong nông nghiệp.

7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực

nông nghiệp nông thôn. Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn... Xây dựng chương trình/đề án hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã/tổ hợp tác chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử,...

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro: Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro. Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng “thuận thiên”. Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào. Có cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các giải pháp tiết kiệm nước. Nghiên cứu tập trung xác định các giải pháp để chủ động đối phó, khắc phục hệ thống các vấn đề rủi ro bất định theo các phương án kịch bản đối với các nguy cơ quan trọng cho sản xuất và phát triển nông thôn,...

9. Hội nhập và hợp tác quốc tế: Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

10. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá:

- *Chính sách đất đai:* hỗ trợ cho nông dân, doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất và sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp. Thực hiện mở rộng chứng nhận đối tượng tài sản trên đất được ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề xuất mở rộng phạm vi, đối tượng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các tổ chức, cá nhân có đủ tiềm lực về vốn, công nghệ, thực sự đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch. Công khai minh bạch trong xây dựng và triển khai quy hoạch đất đai.

- *Chính sách tài chính, tín dụng:* Xây dựng mô hình cơ chế giao nhiệm vụ tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn cho Hội Nông dân và Liên minh HTX để hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Mở rộng các loại tài sản thế chấp vay vốn, điều chỉnh cơ chế định giá theo thị trường cho các tài sản hình thành trên đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Chính sách đầu tư:* Tăng đầu tư công cho nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu để tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, đào tạo nhân lực, bảo đảm liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước vào nông nghiệp, nông thôn nhất là các vùng sâu, xa, khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Chính sách thuế:* Rà soát, cắt, giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong việc triển khai các thủ tục hành chính liên quan đến thuế, phí như khai, nộp, hoàn thuế.

- *Chính sách phát triển nguồn nhân lực*: xây dựng nội dung đào tạo theo sát yêu cầu thực tế để gắn với giải quyết việc làm và phù hợp xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Đào tạo các chuyên gia đầu ngành theo lĩnh vực, ngành hàng. Đào tạo năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý ngành nông nghiệp về kỹ năng đàm phán, pháp lý, phân tích thị trường, quản lý sinh thái, quản lý trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh,... Xây dựng chương trình đào tạo “nông dân chuyên nghiệp”, “lao động tay nghề cao”.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- *Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, xem xét hỗ trợ tỉnh An Giang một số nội dung như sau:*

+ Đối với các tỉnh được quy hoạch trọng điểm về sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất Chính phủ bố trí nguồn lực thích đáng để cải tạo, đầu tư mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng; Nghiên cứu và ứng dụng KH&CN, nhất là công nghệ sau thu hoạch, chế biến và chế biến sâu nông sản, logistics...; Hướng dẫn giải pháp tập trung tích tụ ruộng đất để sản xuất quy mô lớn, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp và giá trị gia tăng.

+ Nhằm xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu chủ lực, gắn với khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn đảm bảo phục vụ lâu dài, bền vững cho các cơ sở chế biến nông, thủy sản của vùng, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm hỗ trợ An Giang xây dựng Đề án thành lập Trung tâm đầu mối về chế biến nông, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu Bigdata nền tảng số hóa nông nghiệp triển khai đồng bộ trong cả nước, tận dụng nguồn dữ liệu lớn phục vụ các địa phương khác; Bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, và hỗ trợ các địa phương, nông hộ số hóa trong sản xuất kinh doanh nông sản; Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Nhằm hoàn thiện, củng cố, nâng chất, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, HTX trong thời gian tới, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:*

+ Sớm có KH tổ chức tập huấn, hướng dẫn các địa phương thực hiện Luật HTX năm 2023, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ (đặc biệt là nội dung hướng dẫn đăng ký, bố trí vốn hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trong KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị) nhằm giúp các địa phương triển khai thực hiện đúng quy định.

+ Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: có văn bản hướng dẫn chi tiết đối với quy định thực hiện hỗ trợ đào tạo dài hạn trình độ chuyên môn cho thành viên HTX, người lao động HTX.

+ Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn mới.

- **Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:** Tiếp tục quan tâm hỗ trợ triển khai các đề tài, đề án, dự án KH&CN cấp nhà nước, cấp vùng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh nhằm tạo cơ sở phát triển và đồng bộ hoá các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh và sớm ban hành các hướng dẫn cụ thể hơn về cách thẩm định giá các kết quả nhiệm vụ KH&CN để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện tại địa phương.

- **Kiến nghị UBND tỉnh:** Hiện nay, các doanh nghiệp có nhu cầu tiêu thụ lớn về các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn và chất lượng, vì vậy kiến nghị UBND tỉnh có cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần chi phí cho cá nhân, doanh nghiệp trong việc chứng nhận các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ... Qua đó, góp phần xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả triển khai Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- LMHTX, HND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- Trường ĐHAG - ĐHQG HCM;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, ĐVTT Sở;
- Lưu: VT, KHTC. PHQ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Duy